TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK SONG** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 04-3-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Quang

2. Ông Hoàng Hùng Hữu.

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 02 và 04 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/HSST-QĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HS ngày 27/02/2019 đối với các bị cáo:

1/ Trần Đức H, sinh ngày 23/3/1996 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi cư trú: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức Th và bà Nguyễn Thị C (đã chết); Bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/7/2017 TAND cấp cao tại tp. Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, xử phạt 17 năm tù về tội "Giết người". Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Đắk P` Lao - có mặt.

2/ Trần Văn Q, sinh ngày 20/4/1997 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông; Trình độ văn hóa: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;

con ông Trần Văn Q1 và bà Vũ Thị Đ; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 13/12/2017 đến ngày 12/02/2018 được tại ngoại - Có mặt.

3/ Vũ Đình H, (tên gọi khác: H1), sinh ngày 05/9/1997 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông; trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Quốc H và bà Vũ Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2017 đến ngày 12/2/2018 được tại ngoại – có mặt.

4/ Lý Hoài L (tên gọi khác: H2), sinh ngày 08/6/1997 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: Thôn 5A3, xã M, huyện S, tỉnh Đắk Nông. Trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý H (đã chết) và bà Phạm Thị V; Bị cáo chưa có vợ con; tiền án: 01 tiền án. Ngày 12/3/2014, bị TAND huyện Đắk Song xử phạt 02 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm về tội "Cố ý gây thương tích", bị cáo phạm tội mới trong thời gian thử thách; tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại – có mặt.

Bị hại:

1/ Anh Đào Văn C - có mặt

Địa chỉ: Thôn R, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2/ Anh Nguyễn Văn D – có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

3/ Chị Hoàng Thị N (tên gọi khác: O) – có mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Trần Văn Q1 – có mặt.

Địa chỉ; Thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Anh Trương Văn C – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn R 1, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1/ Anh Vũ Chí N – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2/ Anh Nguyễn Trọng N– vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông

3/ Anh Nông Văn L – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

4/ Anh Hoàng Minh Đ – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn R, xã R, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

5/ Ông Vũ Quốc H – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 7, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

6/ Ông Trần Đức T – vắng mặt.

Trú tại: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 00 ngày 03/6/2016, một nhóm gồm Trần Văn Q, Lý Hoài L, Mã Văn N, Hà Thanh C, Hoàng Long N, Hoàng Văn H, Ngô Văn N, Trang Sỹ V, Bùi Văn H (tên gọi khác: H Đ), Tạ Thành N và Nguyễn Văn T đi dự sinh nhật của Bùi Văn H tại thị trấn Đ thì gặp một nhóm khác gồm Hoàng Minh Đ, Nông Văn L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Văn T, Vũ Chí N, Nguyễn Trọng N, Nguyễn Văn T (tên gọi khác: T1), Nguyễn Văn D và Trương Văn C. Do Vũ CH2 Ngọc quen với Mã Văn Nam nên 02 nhóm rủ nhau tới khu vực rừng thông đốt lửa uống rượu. Quá trình ngồi chơi, giữa Nguyễn Văn D (Nhóm của N) xảy ra mâu thuẫn với Hà Thanh C và H "Đ"(bên nhóm của N) nên có 01 người lấy cây củi đang cháy trong đống lửa đánh H "Đ", sau đó giữa 02 nhóm xảy ra xô xát. Trong quá trình xô xát, Trương Văn C (bên nhóm của N) bị ai đó dùng dao đâm một phát vào sau lưng nên C kêu lên, nhóm của N lao vào đánh nhóm của N. Lúc này, Q, H "Đ", V, T, T1, Nguyên N (Ngô Văn N), N2, H2, L (H2) sợ bị đánh nên bỏ chạy để lại một số xe máy tại hiện trường, còn những người thuộc nhóm của N thì dùng gậy gộc, đá, mũ bảo hiểm đuổi đánh những người bỏ chạy. Thời điểm này, bên nhóm của N chỉ còn lại C, Mã Văn N, H3, Triệu Phúc H, Tạ Thành N ở lại cùng nhóm người của N, D sau đó thì Ngô Văn N và N3 quay lại rồi cùng ngồi nói chuyện với nhau. Các đối tượng này nói chuyện được một lúc thì nhóm của D rủ nhau đi tìm những người trong nhóm của N đã bỏ chạy để đánh.

Đối với Trần Văn Q, sau khi bỏ chạy xuống vườn tiêu, do muốn đánh lại nhóm người đã đuổi mình nên Q lấy điện thoại gọi cho Trần Đức H, là người Q quen trước đó để nhờ H vào đánh lại đồng thời đưa Q về. Sau khi nhận được điện thoại của Q, H đồng ý giúp. Lúc này, H đang đi cùng với Vũ Đình H nên rủ Vũ Đình H đi cùng thì Vũ Đình H đồng ý. Q đứng ở đồi thông gọi điện nhờ Lý Hoài L lấy xe máy của Q vào chở Q ra ngã ba Biển Xanh. L chạy xe máy vào chở Q chạy ra ngã ba Biển Xanh thì gặp H và H cũng vừa về tới nhà H. Tại nhà H, ngoài những người trên còn có L1 (chưa xác định được nhân thân lai lịch). Q kể lại cho mọi người cùng nghe sự việc xảy ra và nhờ H, L1, Vũ Đình H và L đi vào đưa bạn của Q về. Nghe xong thì mọi người đồng ý và thống nhất nếu bị đánh sẽ đánh lại. Trước khi đi, H và L1 vào bếp lấy 02 con dao (loại giao thái thịt) mỗi con dài khoảng 35 cm, cán gỗ. L1 lấy dao để giữa nhà sau đó H cầm 01 con, Q cầm 01 con, L1 và Vũ Đình H tiếp tục cầm mỗi người 01 cây gậy sắt, riêng L không cầm gì. Chuẩn bị xong, tất cả chạy 02 xe máy đến vị trí đánh

nhau. H, Vũ Đình H và L1 đi 01 xe máy hiệu Exciter biển số 48F1-088.53 còn L chạy xe máy hiệu Sirius biển số 48H2-1398 chở Q. Khi đi qua ngã ba bản Đắk Lép khoảng 01 km, thấy có đông người đứng bên đường nên các đối tượng này không đi qua mà quay xe lại ngã ba Đắk Lép, rồi vào sân nhà Q ở gần đó để cất xe máy. Q gọi điện thoại cho H "Đ" thì "Đ" nói nhóm kia đang đi ra chỗ vị trí Q đang đứng. Q nói lại cho H, Vũ Đình H, L1 và L nghe thì tất cả thống nhất: H, L1 cầm dao và gậy đi sang bên kia đường, còn Vũ Đình H, Q đứng bên này đường phục sẵn, đợi nhóm đã đuổi Q đi ra sẽ đánh. Riêng L đứng đợi ở chỗ dựng xe máy.

Lúc này nhóm của D, N, L3 và Đ chạy 01 xe máy từ hướng xã R ra hướng ngã ba bản Đắk Lép. Thấy nhóm của D đi ra, H nói Q tới xem có phải người quen không. Q cầm dao đi trước, H cầm gậy đi sau, khi Q tới nơi thì N, D, L3 và Đ nhảy xuống xe cầm dao đánh Q, Q bỏ chạy thì Vũ Đình H chay đến sau đó Q và H quay lại dùng dao chém liên tiếp về phía D. D bỏ chạy về hướng đường nhựa vào đồi thông Đắk Lép thì H, L1, Q tiếp tục đuổi theo đánh D. H dùng dao chém trúng vào phía sau lưng của D. Thấy D bị đánh nên N, L3 và Đ xông vào lại H làm H bị ngã xuống đường. Sau đi D bỏ chạy Q, H và L1 quay lại đuổi đánh N, L3 và Đ sau đó N, L3 và Đ bỏ chạy để lại xe máy.

Cũng trong tối ngày 03/6/2016, nghe thông tin Trương Văn C bị đâm nên Đào Văn C chạy xe máy chở Hoàng Thị N (tên gọi khác: Hoàng Ngọc O) đi ra bệnh viện đa khoa huyện S để thăm Trương Văn C. Ra tới nơi, biết Trương Văn C đã xuất viện về nhà nên Đào Văn C và N đi về. Trên đường về, Đào Văn C gặp Nguyễn Văn T và Vũ Chí N, đồng thời được kể lại việc có người đang đánh nhóm của D. Đào VĂn C và Hoàng Thị N chạy xe đến ngã 3 Biển Xanh, đồng thời lấy 01 gậy sắt đưa cho Hoàng Thị N cầm, mục đích là để đề phòng nếu không may bị đánh. Đào Văn C chở Hoàng Thị N đến ngã ba Đắk Lép thì Vũ Đình H và Q lao về phía Đào Văn C. Hoàng Thị N thấy vậy thì dùng gậy sắt đánh trả thì bị Vũ Đình H dùng dao chém 01 phát trúng vào khuỷu tai phải. Thấy Hoàng Thị N bị đánh, Đào Văn C định xuống xe nhặt cây đánh lại thì bị Vũ Đình H dùng dao chém 01 phát vào lưng nên Đào Văn C buộc phải cho xe chạy nhanh chở Hoàng Thị N về hướng xã N.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 04/TgT ngày 15/11/2016 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận: Hoàng Thị N bị gãy mõm khuỷu tay phải, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 10% sức khỏe; sẹo vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước lớn, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 7,2% sức khỏe. Tổng tỉ lệ thương tật là 17%. Vết thương bị gây nên trực tiếp bởi vật sắc.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 05/TgT ngày 15/11/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận: Nguyễn Văn D bị gãy xương bả vai, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 5,52% sức khỏe; nứt xương trụ, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 1,76%; sẹo vết thương phần mềm số lượng ít, kích thước lớn, tỉ lệ tổn thương là 08%. Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể là 15%, bị gây nên bởi vật sắc.

Tại bản kết luận về giám định pháp y số 06TgT ngày 15/11/2016 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Nông kết luận: Đào Văn C bị sẹo vết thương phần mềm ở vùng lưng, số lượng ít, kích thước lớn, tỉ lệ tổn thương cơ thể là 08%, bị gây nên trực tiếp bởi vật sắc.

- Cáo trạng số 08/CT-VKS-ĐS ngày 03/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Đắk Song truy tố bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H và Lý Hoài L về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện VKSND huyện Đắk Song giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L về tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 (gọi tắt là BLHS năm 1999). Sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 - để nghị xử phạt bị cáo Trần Đức H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Áp dụng Điều 87 BLHS đề nghị Chánh án TAND tỉnh Đắk Nông tổng hợp hình phạt 17 năm tù của bản án số 358/2018/HS-PT ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ CH2 Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án;

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999; đề nghị xử phạt bị cáo Lý Hoài L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù. Chuyển 02 năm tù cho hưởng án treo tại bản án hình sự sơ thẩm số 05/2014/HSST ngày 12 tháng 3 năm 2014 của Tòa án nhân dân huyện S thành tù giam và tổng hợp hình phạt theo quy định tại khoản 5 Điều 65 BLHS năm 2015, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 04 năm đến 04 năm 03 tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999; khoản 1 Điều 65 BLHS năm 2015 – đề nghị xử phạt các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 năm đến 05 năm.

Về phần trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 584; 585; 587; 590 BLDS năm 2015, đề nghị chấp nhận việc các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho các bị hại. Buộc các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Văn D, anh Đào Văn C và chị Hoàng Thị N theo quy định.

Về vật chứng của vụ án:

Do không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Các bị hại không ý kiến gì về phần hình phạt, chỉ yêu cầu ngoài số tiền bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H đã liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn D, anh Đào Văn C và chị Hoàng Thị N mỗi người 15.000.000đ, anh Nguyễn Văn D còn

yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho anh 65.000.000đ, bao gồm tiền viện phí: 15.000.000đ, tiền mất thu nhập trong thời gian 01 năm là 30.000.000đ, chi phí dự kiến mổ lấy đinh là: 10.000.000đ, tiền mất thu nhập dự kiến trong thời gian mổ lại là 10.000.000đ; chị Hoàng Thị N yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường cho chị số tiền 35.000.000đ, bao gồm các khoản thu nhập thực tế bị giảm sút; tổn thất về tinh thần là 10.000.000đ; chi phí cứu chữa là 8.000.000đ; tiền phục hồi sức khỏe là 5.000.000đ; thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong 04 tháng, trung bình mỗi tháng là 5.000.000đ.

Các bị cáo không đồng ý với yêu cầu tiếp tục bồi thường của anh D và chị N vì cho rằng giữa bị cáo Q, bị cáo H và các bị hại đã thỏa thuận việc bồi thường. Nếu các bị hại tiếp tục yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thì đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật về những yêu cầu cụ thể của anh D, chị N đã nêu trong đơn yêu cầu bồi thường.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, các bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Vào khoảng 21 giờ ngày 03 tháng 6 năm 2016, do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình dự sinh nhật giữa nhóm của Trần Văn Q với nhóm của Nguyễn Văn D tại bản Đắk Lép, xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên hai bên xảy ra xô xát. Do bị đuổi đánh nên Trần Văn Q nhờ Trần Đức H đến đưa Q và bạn của Q về. Trần Đức H đồng ý và rủ bạn là Vũ Đình H, Lý Hoài L, cùng Trần Văn Q và 01 đối tượng tên L1 chuẩn bị 02 con dao và 02 tuýp sắt cùng thống nhất nếu bị đánh sẽ đánh lại. L lấy xe máy chở Q; H chạy xe chở L1 và Vũ Đình H đến ngã ba bản Đắk Lép, xã N để chờ nhóm của D, N đi ra để đánh.

Khi gặp Nguyễn Văn D, Nguyễn Trọng N, Nông Văn L3 và Hoàng Minh Đ thì Q, H, Vũ Đình H, L1 đã dùng dao, tuýp sắt đánh, chém liên tục vào người D gây thương tích tỉ lệ 15% sức khỏe. Sau đó, khi phát hiện Đào văn C chở Hoàng Thị N, Vũ Đình H đã dùng dao chém Đào Văn C ở vùng lưng, thương tích 8% và chém Hoàng Thị N gãy mõm khuỷu tay phải, tỉ lệ thương tích là 17% sức khỏe.

Bị cáo Lý Hoài L mặc dù không trực tiếp tham gia gây thương tích nhưng khi nghe các bị cáo khác thống nhất đi đánh nhau bị cáo đồng ý đi cùng và đã thực hiện hành vi dùng xe chở bị cáo Q vào vị trí đánh nhau. Do đó, hành vi của bị cáo Lý Hoài L đã đồng phạm với các bị cáo khác với vai trò là người giúp sức.

Hành vi của các bị cáo thực hiện trước thời điểm BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực. Theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội thì Tội " Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 104 BLHS năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm, thấp hơn mức hình phạt tại BLHS năm 2015 (điểm d khoản 3 Điều 134 BLHS năm 2015 với mức hình phạt từ 05 năm đến 10 năm tù). Do đó cần áp dụng Điều 104 BLHS năm 1999 để giải quyết vụ án đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H gây thương tích cho 03 người với các thương tích 8%; 15%; 17%. Theo hướng dẫn tại mục c 2, mục c, điểm 3.2, điều 3 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 BLHS năm 1999.

VKSND huyện Đắk Song truy tố các bị cáo về tội tội "Cố ý gây thương tích" theo khoản 2 Điều 104 BLHS 1999 là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các rường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm

a/ Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người.

....

2/ Phạm tội gây thương tích cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

……

Điều 134 BLHS năm 2015 quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a). ...

...

3 Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

d/ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tỷ lệ tổn thương cơ thể của mỗi người từ 11% đến 30 % nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

[3] Xét hành vi của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia, vai trò, tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo khác nhau nên cần phân hóa để quyết định mức hình phạt tương xứng với từng bị cáo.

Mặc dù không có mâu thuẫn gì từ trước nhưng khi nghe Trần Văn Q nhờ đi đánh nhau, Trần Đức H đã đồng ý. Bị cáo là người rủ rê, cầm đầu đồng thời là người thực hành tích cực nhất. Trong vụ án này, bị cáo Trần Đức H có vai trò cao nhất. Do đó, cần xử phạt bị cáo H mức hình phạt cao nhất. Sau khi phạm tội "Cố ý gây thương tích", ngày 07/12/2016 bị cáo phạm tội "Giết người" và bị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ CH2 Minh xử phạt 17 năm tù tại bản án số 358/2018/HS-PT ngày 10/7/2018. Do Tòa án nhân dân huyện Đắk Song không có thẩm quyền tổng hợp hình phạt của bản án trên nên cần áp dụng Điều 87 BLHS năm 2015, đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tổng hợp hình phạt của hai bản án.

Bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H là những người thực hành tích cực, đã dùng dao và tuýp sắt gây thương tích cho anh Nguyễn Văn D, anh Đào Văn C và chị Hoàng Thị N. Hai bị cáo có vai trò ngang nhau nên cần xử phạt mức hình phạt bằng nhau và thấp hơn mức hình phạt của bị cáo Trần Đức H.

Bị cáo Lý Hoài L có vai trò hạn chế nhất. Bị cáo chỉ chở bị cáo Q đến vị trí đánh nhau, rồi sau đó đứng xem các bị cáo khác đánh nhau chứ bị cáo không trực tiếp tham gia. Do đó, cần xử phạt bị cáo Lý Hoài L mức hình phạt thấp nhất so với mức hình phạt của các bị cáo trên.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Hoài L phạm tội trong thời gian thử thách nên bị áp dụng tình tiết "tái phạm" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho các bị hại và được các bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999.

Bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ổn định; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được tự học tập, cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Bị cáo Lý Hoài L phạm tội mới trong thời gian thử thách (ngày 03/6/2018 bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách của bản án số 05/2014/HSST ngày 12/3/2014 Tòa án nhân dân huyện Đắk Song) nên cần áp dụng khoản 5 Điều 65 BLHS 2015, chuyển hình phạt 02 năm tù cho hưởng án treo của bản án số 05/2014/HSST ngày 12/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thành hình phạt tù giam, tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành chung.

[6] Trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn D, chị Hoàng Thị N HĐXX xét thấy, yêu cầu của anh D, chị N là có căn cứ tuy nhiên một số khoản tiền mà anh D, chị N yêu cầu là quá cao và không thực tế, đồng thời có một số yêu cầu anh D, chị N không cung cấp được hóa đơn chứng từ. Do đó, đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của anh Nguyễn Văn D, HĐXX chỉ chấp nhận những khoản sau:

+ Tiền viện phí: 1.135.000đ (có hóa đơn);

Nghề nghiệp của anh D là làm nông nên HĐXX tính thu nhập bình quân của ngày công lao động phổ thông là 200.000đ/ngày; đồng thời anh D nằm viện từ ngày 04/6/2016 đến ngày 13/6/2016 do đó HĐXX có căn cứ tính tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện của anh D là 10 ngày nằm viện x 200.000đ/ngày = 2.000.000đ;

+ Tiền ăn trong 10 ngày x 150.000đ/ngày = 1.500.000đ (chi phí thực tế);

+ Tiền mất thu nhập trong 03 tháng dưỡng bệnh: 66 ngày x 200.000đ/ngày = 13.200.000đ

Tổng cộng là: 17.835.000đ. Buộc các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền trên, theo phần, mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh D 4.459.000đ (làm tròn số).

Các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 7.500.000đ. Do đó anh D phải trả lại cho các bị cáo Q và H mỗi bị cáo 3.041.000đ.

Đối với yêu cầu các bị cáo phải bồi thường mất thu nhập cho anh D trong thời gian 01 năm với số tiền 30.000.000đ là không thực tế nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với tiền thuốc và chi phí mổ lần đầu là 23.000.000đ, anh D không cung cấp được hóa đơn chứng từ, do đó, HĐXX tách yêu cầu này để giải quyết bằng 01 vụ án dân sự khác khi anh D cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ và có yêu cầu.

Đối với số tiền dự kiến mổ lấy đinh và tiền mất thu nhập trong thời gian mổ lấy đinh tổng cộng là 20.000.000đ, do anh D chưa thực hiện nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận. Anh D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân

sự khác sau khi anh D thực hiện xong ca mổ và cung cấp được đầy đủ hóa đơn chứng từ liên quan.

Đối với yêu cầu của chị Hoàng Thị N, HĐXX chấp nhận những khoản sau: + Thu nhập thực tế bị mất trong 02 tháng là 200.000đ/ngày x 02 tháng (44 ngày) = 8.800.000đ;

+ Thu nhập bị mất của 01 người chăm sóc là: 200.000đ/ngày x 20 tháng (44 ngày) = 8.800.000đ;

+ Tiền phục hồi sức khỏe là 5.000.000đ (chi phí thực tế);

+ Viện phí: 203.000đ (có hóa đơn);

+ Chị N yêu cầu tiền tổn thất về tinh thần 10.000.000đ là quá cao và không phù hợp. HĐXX chỉ chấp nhận tiền tổn thất tinh thần tương đương với 05 tháng lương tối thiểu là 5 tháng x 1.390.000đ/tháng = 6.950.000đ;

+ Tiền xe đi chữa trị là: 800.000đ (chi phí thực tế).

Tổng cộng là 30.553.000đ. Buộc các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L phải bồi thường cho chị N số tiền trên theo phần, mỗi bị cáo phải liên đới bồi thường 7.638.000đ. Chấp nhận việc các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo đã bồi thường cho chị Hoàng Thị N 7.500.000đ, các bị cáo Trần Văn Q và Vũ Đình H mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho chị Hoàng Thị N 138.000đ.

Đối với số tiền mất thu nhập của người chăm sóc cho chị N trong vòng 4 tháng, mỗi tháng 5.000.000đ là cao và không thực tế nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với số tiền viện phí 8.000.000đ, chị N không cung cấp được hóa đơn chứng từ. Do đó HĐXX không có căn cứ để chấp nhận mà cần tách yêu cầu này của chị để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi chị N cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ và có yêu cầu.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo Vũ Đình H và Trần Văn Q đã bồi thường cho anh Đào Văn C số tiền 15.000.000đ. Xét thấy việc thỏa thuận bồi thường giữa các bị cáo và anh C là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Tại phiên tòa, anh C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm nên cần chấp nhận.

[7] Về vật chứng: Do không thu giữ được nên không đặt ra giải quyết là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Trong vụ án này còn có đối tượng tên L1 đã thực hiện hành vi cố ý gây thương tích cùng với các bị cáo. Tuy nhiên, cơ quan CSĐT chưa xác định được nhân thân lai lai lịch nên đã tách ra tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ. Việc tách hành vi của L1 là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Trần Đức H có đơn yêu cầu giám định thương tích đối với vết thương gãy tay của H. Tuy nhiên vẫn chưa xác định được ai là người gây thương tích cho H nên không có cơ sở xử lý. Khi nào xác định được người gây thương tích cho H sẽ xử lý bằng một vụ án khác.

Đối với thương tích của Trương Văn C, không xác định được ai là người gây thương tích và Trương Văn C cũng không yêu cầu giám định nên không xem xét xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm (HSST) và án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm1999.

Xử phạt bị cáo Trần Đức H 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 –

Xử phạt bị cáo Lý Hoài L 02 (H) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; chuyển hình phạt 02 (H) năm tù cho hưởng án treo của bản án số 05/2014/HSST ngày 12/3/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song thành hình phạt tù giam, tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành chung là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, trừ thời gian tạm giam của bản án số 05/2014/HSST ngày 12/3/2014 từ ngày 17/8/2013 đến ngày 14/11/2013.

Áp dụng khoản 2 Điều 104; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Vũ Đình H, Trần Văn Q mỗi bị cáo 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Q cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Vũ Đình H cho Uỷ ban nhân dân thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/ Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 42 BLHS năm 1999; Điều 609 BLDS 2005,

2.1. Buộc các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L phải liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Văn D 17.835.*000đ (Mười bảy triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh D 4.459.000đ *(Bốn triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng)* bao gồm các khoản sau: Tiền viện phí: 1.135.000đ *(Một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng);* tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng);* Tiền ăn trong thời gian nằm viện là 1.500.000đ *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*; Tiền mất thu nhập trong 03 tháng dưỡng bệnh là 13.200.000đ *(Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).*

Các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo đã bồi thường cho anh Nguyễn Văn D số tiền 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).* Anh D phải trả lại cho bị cáo Q và bị cáo H mỗi bị cáo 3.041.000đ *(Ba triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).*

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn D yêu cầu các bị cáo phải bồi thường đối với khoản tiền mất thu nhập trong thời gian 01 năm số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng);

2.2. Buộc các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L phải liên đới bồi thường cho chị Hoàng Thị N 30.553.000đ *(Ba mươi triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng)* theo phần, mỗi bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị N 7.638.000đ *(Bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng)* bao gồm các khoản: Thu nhập thực tế bị mất trong 02 tháng là 8.800.000đ *(Tám triệu tám trăm nghìn đồng)*; Thu nhập bị mất của 01 người chăm sóc là 8.800.000đ *(Tám triệu tám trăm nghìn đồng);* Tiền phục hồi sức khỏe là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng);* Viện phí: 203.000đ *(Hai trăm linh ba nghìn đồng)*; Tiền tổn thất tinh thần là 6.950.000đ *(Sáu triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng);* Tiền xe đi chữa trị là: 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng).*

Chấp nhận việc các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo đã bồi thường cho chị Hoàng Thị N 7.500.000đ *(Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*, các bị cáo Trần Văn Q và Vũ Đình H mỗi bị cáo còn phải bồi thường cho chị Hoàng Thị N 138.000đ *(Một trăm ba mươi tám nghìn đồng)*.

Không chấp nhận đối với yêu cầu bồi thường tiền mất thu nhập của 01 người chăm sóc chị N trong 04 tháng với số tiền 20.000.000đ *(Hai mươi triệu đồng).*

2.3. Chấp nhận việc các bị cáo Vũ Đình H và Trần Văn Q đã bồi thường cho anh Đào Văn C số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)*.

2.4. Áp dụng Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự -

Tách yêu cầu đối với tiền thuốc và chi phí mổ lần đầu là 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng) để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh D cung cấp được hóa đơn chứng từ và có yêu cầu.

Tách yêu cầu đối với số tiền dự kiến mổ lấy đinh là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và thu nhập dự kiến bị mất trong thời gian mổ lấy đinh là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi anh Nguyễn Văn D thực hiện xong ca mổ và cung cấp đầy đủ các hóa đơn chứng từ liên quan.

Tách yêu cầu tiền viện phí 8.000.000đ (Tám triệu đồng) của chị Hoàng Thị N để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi chị N cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ và có yêu cầu.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

3. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo Trần Đức H, Trần Văn Q, Vũ Đình H, Lý Hoài L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(H trăm nghìn đồng)* án pH2 HSST; Các bị cáo Trần Đức H, Lý Hoài L mỗi bị cáo phải nộp 605.000đ *(Sáu trăm linh năm nghìn đồng làm tròn số)* tiền án pH2 DSST; Các bị cáo Trần Văn Q, Vũ Đình H mỗi bị cáo phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng làm tròn số)* tiền án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày từ kể từ ngày tuyên án;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

****/ Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Đắk Nông;*
- *TAND tỉnh Đắk Nông;*
- *Phòng PV 06; PC 10 CA tỉnh Đắk Nông;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;*
- *VKSND huyện S;*
- *Công an huyện S;*
- *UBND xã N;*
- *UBND thị trấn Đ;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thị Hải Âu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Phòng PV27 CA. tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- Các bị cáo;

Nguyễn Thị Hải Âu

- Người bị hại;
- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.